

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2023
V/v ly hôn và tranh chấp chia tài sản
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Ông Đặng Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thạch H, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Số 320A Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Bà Thạch Thị Bích N, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 320A Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Thạch Minh H1, sinh năm 1996 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

- Anh Thạch Thanh H2, sinh năm 2001 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 320A Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Lý Sô P, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Thạch H là nguyên đơn trình bày: Ông Thạch H với bà Thạch Thị Bích N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1996 do quen biết. Ông bà có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 3 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Trà Vinh. Ông bà có 02 người con chung tên Thạch Minh H1, sinh năm 1996 và Thạch Thanh H2, sinh năm 2001. Anh Thạch Minh H1 đã có gia đình riêng còn anh Thạch Thanh H2 đi tu. Ông bà có tạo lập tài sản chung là phần đất thuộc thửa số 2957, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.220 m², loại đất trồng cây hằng năm khác tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ông bà không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông bà không có phát sinh mâu thuẫn hay cự cãi gì. Tuy nhiên năm 2014 bà N bỏ nhà đi đến nay không biết tin tức. Ông H và người thân đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không được. Ông H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà N mất tích và Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh tuyên bố bà N mất tích bằng Quyết định số 02/2020/QĐST-VDS ngày 22 tháng 7 năm 2020.

Nay ông Thạch H yêu cầu ly hôn với bà Thạch Thị Bích N. Về con chung đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung ông H yêu cầu được chia đôi diện tích đất thuộc thửa số 2957, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.220 m², loại đất trồng cây hằng năm khác tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ông Thạch H thống nhất được nhận phần đất có diện tích 262,5 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần A) và thống nhất giao cho bà Thạch Thị Bích N phần đất và tài sản trên đất đối với phần đất có diện tích 534,3 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần B), phần đất có diện tích 342,7 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần C) và phần đất có diện tích 44,5 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần D), tổng diện tích là 921,5 m². Ông Thạch H không yêu cầu bà Thạch Thị Bích N phải trả tiền chênh lệch. Về nợ chung không có.

Trong thời gian bà Thạch Thị Bích N bỏ đi, ông Thạch H có chuyển nhượng cho ông Lý Sô P một phần đất diện tích khoảng 600 m² trong thửa đất số 2957, tờ bản đồ số 7 với giá 580.000.000 đồng. Hai bên không có làm hợp đồng chuyển nhượng theo quy định mà chỉ có làm giấy tay, diện tích chưa được đo đạc chính xác. Phần ông H chuyển nhượng cho ông Lý Sô P là cái đĩa. Sau đó ông Lý Sô P có san lấp và xây dựng tường rào bao quanh. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thạch H với ông Lý Sô P ông Thạch H và ông Lý Sô P sẽ tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Đối với các tài sản, vật kiến trúc ông Lý Sô P xây dựng trên đất cũng như phần đất ông Lý Sô P đã san lấp ông Thạch H cũng không có yêu cầu giải quyết. Các vấn đề trên ông Thạch H và ông Lý Sô P sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Bà Thạch Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Anh Thạch Minh H1 và anh Thạch Thanh H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có cùng ý kiến trình bày trong quá trình

giải quyết vụ án như sau: Anh Thạch Minh H1 và anh Thạch Thanh H2 là con chung của ông Thạch H và bà Thạch Thị Bích N. Bà N đã mất tích. Anh H1 và anh H2 không biết bà N đang ở đâu. Nay ông Thạch H có yêu cầu chia tài sản chung của ông H và bà N thì anh H1 và anh H2 thống nhất thay bà N quản lý các tài sản mà bà N được Tòa án giải quyết chia cho bà N.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lý Sô P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 2019 ông Lý Sô P nhận chuyển nhượng từ ông Thạch H diện tích đất khoảng 600 m², chưa đo đạc chính xác, thuộc thửa 2957, tờ bản đồ số 7 tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ông Sô P nhận chuyển nhượng với giá 580.000.000 đồng. Các bên không có làm hợp đồng chuyển nhượng theo quy định mà chỉ có làm giấy tay. Phần ông Sô P nhận chuyển nhượng trước đây là cái đĩa. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Sô P đã san lấp và xây tường bao quanh một phần. Ông Sô P chỉ có san lấp bằng đất, không có san lấp bằng cát. Ông Sô P đã san lấp tổng cộng 160 xe, mỗi xe 6 m³, tổng cộng là 960 m³. Tổng giá trị đất san lấp là 160.000.000 đồng.

Nay đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lý Sô P với ông Thạch H ông Lý Sô P với ông Thạch H sẽ tự thỏa thuận. Đối với tài sản, vật kiến trúc trên đất và khối lượng đất ông Sô P đã san lấp ông Sô P với ông H cũng sẽ tự thỏa thuận. Ông Sô P không có tranh chấp. Trường hợp Tòa án giải quyết giao cho bà Thạch Thị Bích N phần đất có tài sản, vật kiến trúc của ông Sô P hoặc phần đất ông Sô P đã san lấp thì ông Sô P cũng đề nghị được thỏa thuận với bà Thạch Thị Bích N. Ông Sô P không có tranh chấp trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, do bà Thạch Thị Bích N là bị đơn đã mất tích. Ông Thạch H là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa. Ông Thạch H cũng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định. Riêng bị đơn hiện đang được Tòa án tuyên bố mất tích, không có ý kiến phản hồi.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Thạch H.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông Thạch H, chỉ nhận quyền sử dụng đất có ký hiệu A theo biên bản thẩm định, định giá ngày 05 tháng 4 năm 2023, có diện tích 262,5 m², tứ cận: Hướng Bắc giáp phần B; hướng nam giáp đất của bà Lưu Thùy T, kích thước 39,3 m; hướng đông giáp phần C; hướng tây giáp đường Thạch Ngọc B, kích thước 6,6 m.

Bà Thạch Thị Bích N được nhận quyền sử dụng đất còn lại là 921,5 m², cụ thể gồm các phần B (diện tích 534,3 m²), C (diện tích 342,7 m²), D (diện tích 44,5 m²) và toàn bộ tài sản trên đất đúng như hiện trạng đã thẩm định, định giá ngày 05 tháng 4 năm 2023. Hiện nay, bà N được Tòa án tuyên bố mất tích nên giao toàn bộ tài sản trên cho người quản lý tài sản là 02 con chung là ông Thạch Minh H1 và ông Thạch Thanh H2 đồng quản lý. Quyền nghĩa vụ của người quản lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 66, 67 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị tuyên thời gian lưu cư cho ông Thạch H là 06 tháng.

Đối với phần tài sản mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý Sô P đã mua bán tay với ông Thạch H; đã tôn tạo, xây dựng trên thửa đất ký hiệu A, C do đương sự yêu cầu tự thỏa thuận, không có tranh chấp và không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí, chi phí thẩm định, định giá: Ông Thạch H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng. Đồng thời, ông H và bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình có giá ngạch đối với phần tài sản mình được hưởng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay bà N đang mất tích nên đề nghị tuyên nghĩa vụ án phí của bà N cho người quản lý tài sản là ông Thạch Minh H1 và ông Thạch Thanh H2, ông H1 và ông H2 có nghĩa vụ phải đóng án phí thay cho bà N, khi bà N quay trở về bà N phải có nghĩa vụ trả lại tiền án phí cho các ông Thạch Minh H1 và ông Thạch Thanh H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”. Cả nguyên đơn và bị đơn đều ở cùng địa chỉ tại Số 320A Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, bà Thạch Thị Bích N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Anh Thạch Minh H1, anh Thạch Thanh H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Thạch H yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa 2957, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.220 m² tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Thạch H có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông Thạch H yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích 262,5 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần A) thuộc thửa 2957, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.220 m² tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Thạch H vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch H và bà Thạch Thị Bích N xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 07 tháng 3 năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Trà Vinh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống ông H cho rằng không có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên năm 2014 bà N bỏ đi không có tin tức. Ông H đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có kết quả. Sau đó ông H yêu cầu tuyên bố bà N mất tích. Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-VDS ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã quyết định tuyên bố bà Thạch Thị Bích N mất tích. Nay ông Thạch H yêu cầu ly hôn với bà Thạch Thị Bích N. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Thạch H.

[4] Về con chung: Ông Thạch H và bà Thạch Thị Bích N có 02 người con chung tên Thạch Minh H1, sinh năm 1996 và Thạch Thanh H2, sinh năm 2001 đều đã thành niên nên ông Thạch H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Thạch H thừa nhận giữa ông với bà Thạch Thị Bích N có tài sản chung là phần đất có diện tích 1.220 m² (thực đo có diện tích 1.184 m²), thuộc thửa số 2957, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây hằng năm khác tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ông Thạch H tự nguyện nhận phần đất có diện tích 262,5 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần A) và thống nhất giao cho bà Thạch Thị Bích N được hưởng phần đất có diện tích 534,3 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần B), phần đất có diện tích 342,7 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần C) và phần đất có diện tích 44,5 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc về phần D) cùng toàn bộ tài sản, vật kiến trúc trên đất. Xét thấy yêu cầu của ông H là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận.

[6] Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản thì phần đất ông Thạch H yêu cầu được hưởng có giá trị là 1.968.750.000 đồng. Phần đất và tài sản trên đất bà Thạch Thị Bích N được hưởng có tổng giá trị là 4.698.837.905 đồng. Như vậy bà Thạch Thị Bích N phải trả lại cho ông Thạch H giá trị tài sản chênh lệch. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Thạch H không yêu cầu bà Thạch Thị Bích N trả giá trị tài sản chênh lệch mà chỉ yêu cầu được nhận tài sản nên bà Thạch Thị Bích N không phải hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho ông Thạch H.

[7] Do bà Thạch Thị Bích N đã bị tuyên bố mất tích nên căn cứ vào Điều 69 của Bộ luật Dân sự cần giao phần tài sản của bà Thạch Thị Bích N cho con ruột của bà Thạch Thị Bích N là anh Thạch Minh H1 và anh Thạch Thanh H2 quản lý.

[8] Đối với phần đất ông Thạch H chuyển nhượng cho ông Lý Sô P qua xem xét, thẩm định tại chỗ được ông Thạch H và ông Lý Sô P xác định có diện tích 262,5 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần A) và diện tích 342,7 m² (theo sơ đồ đo đạc thuộc phần C), tổng diện tích là 605,2 m² thuộc một phần thửa số 2957, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây hằng năm khác tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Trên phần đất này ông Lý Sô P đã san lấp đất toàn bộ và xây dựng công trình bao quanh toàn bộ phần A và một phần của phần C. Xét thấy việc ông Thạch H tự ý chuyển nhượng phần đất là tài sản chung của vợ chồng cho ông Lý Sô P mà không có sự thống nhất của bà Thạch Thị Bích N là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên do không có đương sự nào tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng này cũng như không có tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản ông Lý Sô P xây dựng trên đất và khối lượng đất ông Lý Sô P đã san lấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì ông Thạch H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 71.062.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thạch Thị Bích N phải chịu 112.698.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin: Tại phiên tòa, ông Thạch H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin với số tiền 5.364.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông Thạch H nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông Thạch H đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên được hoàn lại số tiền 4.636.000 đồng.

[12] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 69 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch H.

Về hôn nhân: Ông Thạch H được ly hôn với bà Thạch Thị Bích N.

Về con chung: Đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Thạch H được hưởng tài sản là phần đất có diện tích 262,5 m² (theo sơ đồ khu đất thuộc phần A), thuộc một phần thửa số 2957, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây hằng năm khác tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Đất có tứ cận cụ thể như sau:

- Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần B), kích thước 40,45 m.
- Hướng nam giáp thửa 3307, kích thước 39,30 m.
- Hướng đông giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần C), kích thước 6,67 m.
- Hướng tây giáp đường Thạch Ngọc B, kích thước 6,60 m.

Bà Thạch Thị Bích N được hưởng tài sản là phần đất có tổng diện tích 921,5 m² thuộc một phần thửa số 2957, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây hằng năm khác tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo sơ đồ khu đất thuộc phần B, C, D) cùng toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc trên đất.

Đất có diện tích cụ thể và tứ cận như sau:

Phần (B) có diện tích 534,3 m², có tứ cận như sau:

- Hướng bắc giáp thửa 511, kích thước 32,80 m; giáp thửa 510, kích thước 14,27 m; giáp thửa 512, kích thước 5,01 m và 20,68 m; giáp thửa 513, kích thước 4,70 m.
- Hướng nam giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần A), kích thước 40,45 m; giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần C), kích thước 5,91 m, 14,91 m và 16,40 m; giáp thửa 2912, kích thước 19,51 m.
- Hướng đông giáp thửa 509, kích thước 2,28 m và 8,30 m; giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần D), kích thước 5,10 m, 8,80 m và 5,20 m.
- Hướng tây giáp đường Thạch Ngọc B, kích thước 5,00 m.

Phần (C) có diện tích 342,7 m², có tứ cận như sau:

- Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần B), kích thước 5,91 m và 14,91 m.
- Hướng nam giáp thửa 2912, kích thước 20,50 m.
- Hướng đông giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần B), kích thước 16,40 m.
- Hướng tây giáp thửa 3307, kích thước 10,00 m và giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần A), kích thước 6,67 m.

Phần (D) có diện tích 44,5 m², có tứ cận như sau:

- Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần B), kích thước 5,10 m.
- Hướng nam giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần B), kích thước 5,20 m.
- Hướng đông giáp thửa 509, kích thước 8,50 m.
- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 2957 (phần B), kích thước 8,80 m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất).

Ông Thạch H có nghĩa vụ giao lại cho anh Thạch Minh H1 và anh Thạch Thanh H2 quản lý các tài sản mà bà Thạch Thị Bích N được hưởng. Anh Thạch Minh H1, anh Thạch Thanh H2 có các quyền và nghĩa vụ của người quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Thạch H có quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Thạch H và bà Thạch Thị Bích N có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

Đối với giá trị tài sản chênh lệch do ông Thạch H không có yêu cầu bà Thạch Thị Bích N hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thạch H với ông Lý Sơn P đối với phần đất diện tích 262,5 m² (theo sơ đồ khu đất thuộc phần A) và diện tích 342,7 m² (theo sơ đồ khu đất thuộc phần C), tổng diện tích là 605,2 m² thuộc một phần thửa số 2957, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây hằng năm khác tại Khóm M, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cũng như khối lượng đất ông Lý Sơn P đã san lấp và các công trình kiến trúc ông Lý Sơn P đã xây dựng trên các phần đất này do các đương sự không có tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc ông Thạch H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 71.062.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 71.362.500 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu

tiền số 0013306 ngày 22 tháng 11 năm 2022 và số tiền 2.500.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0013307 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên ông Thạch H phải nộp thêm 68.562.500 đồng. Buộc bà Thạch Thị Bích N phải chịu 112.698.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Thạch H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin với số tiền 5.364.000 đồng. Ông Thạch H đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên được hoàn lại số tiền 4.636.000 đồng. Ông Thạch H liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để nhận lại số tiền này.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND Phường B;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa